

Bản án số: 74/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 20/8/2020
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tăng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST - HNGĐ ngày 17/3/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXX- ST ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ng Th Th L – sinh năm 1997

Trú tại: Tiểu khu 9, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đ Th L – sinh năm 1994

Trú tại: Tiểu khu 9, thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/3/2020 và bản tự khai ngày 12/5/2020 của nguyên đơn Ng Th Th L trình bày giữa chị và anh Đ Th L đã đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người

con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ Th L.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Đ H S Th sinh ngày 29/5/2016. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị L là được nuôi dưỡng cháu Đ H S Th. Chị L yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ/tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tại các phiên hòa giải ngày 12/5/2020 và ngày 11/6/2020 anh Đ Th L trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị L. Hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của anh là hai vợ chồng quay lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị L một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng Th Th L và anh Đ Th L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Qu Đ, huyện M H, tỉnh Qu B vào ngày 02/12/2015. Bước đầu cuộc sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến yêu cầu ly hôn.

Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, các bên không dàn xếp được mâu thuẫn. Chị Ng Th Th L có nguyện vọng ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ Th L có nguyện vọng đoàn tụ vì mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho các bên khắc phục tình trạng hôn nhân. Chị L cho rằng tình cảm vợ chồng thật sự không còn nữa và yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy yêu cầu của chị L là có cơ sở cần chấp nhận. Vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị Ng Th Th L ly hôn anh Đ Th L.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đ H S Th, sinh ngày 29/5/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi con, nguyện vọng của chị L là chính đáng và phù hợp về điều kiện để chăm sóc, anh L cũng đủ điều kiện để chăm sóc. Tuy nhiên hiện tại cháu Đ H S Th còn nhỏ, được ở với mẹ là phù hợp hơn đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, lúc còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đ H S Th, sinh ngày 29/5/2016 cho chị Ng Th Th L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ Th L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8/2020 đến khi cháu Đ H S Th tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ng Th Th L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Đ Th L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chị Ng Th Th L ly hôn anh Đ Th L.

2. Về nuôi con chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đ H S Th, sinh ngày 29/5/2016 cho chị Ng Th Th L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ Th L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8/2020 đến khi cháu Đ H S Th tròn 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ng Th Th L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị Ng Th Th L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số A 0004287 ngày 17/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ. Chị Ng Th Th L đã nộp đủ án phí.

Anh Đ Th L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/8/2020), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND TT Qu Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND TT Quy Đạt;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

